TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/9/2018.
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Huế.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Trọng Bình
2. Bà Nguyễn Thị Hồng
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2018và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2018/ QĐST-HNGĐ, ngày 16/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị B**,** sinh năm 1953 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/11/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tnăm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau, ông Đ thường xuyên uống rượu say về đánh đập bà B. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau,

không thể chung sống với nhau được nữa nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà B và ông Đ có 01 con chung là Lê Thế C, sinh năm 1988, cháu C đã đủ trưởng tưởng thành và có gia đình riêng nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà B tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai; Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/11/2015. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng hay xảy ra cãi vã nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau vợ chồng không có sự quan tâm chia sẽ trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ mâu thuẫn về kinh tế, tài sản trong gia đình. Ông Đ cũng thấy mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, không chung sống với nhau được nữa nên ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà B

Về con chung: Bà B và ông Đ có 01 con chung là Lê Thế C, sinh năm 1988, cháu C đã đủ trưởng tưởng thành và có gia đình riêng nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Ông Đ và bà B tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện,Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Đ, nhưng ông Đ không đến làm việc, vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không thể tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà B.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Hồ Thị B và ông Lê Văn Đ khi sinh sống tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Qua xác minh tại địa phương thì được biết bà B và ông Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, vợ chồng hay cãi vã, xô xát lẫn nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm

phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn chấp không hành nhưng tại phiên tòa bị đơn ông Đ chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn bà Hồ Thị B và bị đơn ông Lê Văn Đ là vụ kiện tranh chấp ly hôn do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà B

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy bà Hồ Thị B và Ông Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/11/2015 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, và tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Bà B kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà B kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Đ và ông Đ cũng thống nhất ly hôn với bà B. Việc thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà B là tự nguyên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết

[5] Về chia tài sản và nợ: Bà B và ông Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Xử cho bà Hồ Thị B được ly hôn với ông Lê Văn Đ.
- *Về nuôi con chung*: Không đặt ra để giải quyết
- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- *Về án phí:* Bà Hồ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0004337 ngày 11/01/2018.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Bị đơn ông Lê Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế

Nơi nhận:
- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND TT E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.